HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 86 /2026/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp và kiện toàn nhân sự thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 478/TTr-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp thôn, tổ dân phố và kiện toàn nhân sự thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp và kiện toàn nhân sự thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, tổ dân phố *(sau đây gọi là thôn, tổ dân phố)* nghỉ việc do sắp xếp thôn, tổ dân phố, kiện toàn nhân sự thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi không thuộc đối tượng hưởng chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc do sắp xếp thôn, tổ dân phố và kiện toàn nhân sự thôn, tổ dân phố theo quyết định của cấp có thẩm quyền đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 *(đối với thôn, tổ dân phố thực hiện sắp xếp)* hoặc đến thời điểm ngày 31 tháng 7 năm 2026 *(đối với thôn, tổ dân phố không thực hiện sắp xếp),* thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và Đề án số 10-ĐA/TU ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện mô hình "Dân tin - Đảng cử" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để giới thiệu, bố trí giữ các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nhiệm kỳ 2025 - 2030;

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đảm bảo tiêu chuẩn nhưng không tiếp tục bố trí giữ các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Nghị quyết này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và khoản 1 Điều 19 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ việc sau khi hoàn thành sắp xếp thôn, tổ dân phố và kiện toàn nhân sự giữ chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố sau thời điểm được nêu tại khoản 1 Điều này.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố tự nguyện nghỉ việc vì lý do cá nhân và không được cấp có thẩm quyền thống nhất.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này chưa đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tuổi nghỉ hưu *(không bao gồm đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này)* thì được hưởng chính sách hỗ trợ như sau:

a) Đối với người có dưới 05 năm công tác:

Được hưởng trợ cấp một lần bằng 0,8 lần mức phụ cấp hằng tháng nhân với số tháng công tác;

Được hưởng trợ cấp bằng 1,5 lần mức phụ cấp hằng tháng cho mỗi năm công tác;

Được trợ cấp 03 tháng phụ cấp hằng tháng để tìm việc làm.

b) Đối với người có từ đủ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời còn dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu:

Được hưởng trợ cấp một lần bằng 0,8 lần mức phụ cấp hằng tháng nhân với số tháng nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu;

Được hưởng trợ cấp bằng 1,5 lần mức phụ cấp hằng tháng cho mỗi năm công tác;

Được trợ cấp 03 tháng phụ cấp hằng tháng để tìm việc làm.

c) Đối với người có từ đủ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu:

Được hưởng trợ cấp một lần bằng 0,8 lần mức phụ cấp hằng tháng nhân với 60 tháng;

Được hưởng trợ cấp bằng 1,5 lần mức phụ cấp hằng tháng cho mỗi năm công tác;

Được trợ cấp 03 tháng phụ cấp hằng tháng để tìm việc làm.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này trước đây là cán bộ, công chức cấp xã do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 nên được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng các chế độ như quy định tại khoản 1 Điều này nhưng tiền lương tháng để tính trợ cấp là tiền lương tháng liền kề của chức danh cán bộ, công chức cấp xã trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP hoặc đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động thì được hưởng mức hỗ trợ một lần bằng 15 tháng phụ cấp hằng tháng.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này trước đây thuộc đối tượng đã hưởng chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 67/2025/NĐ-CP thì khi nghỉ việc được hưởng mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/người.

Điều 4. Cách xác định thời gian, tiền lương, phụ cấp để tính hưởng chính sách hỗ trợ

1. Tiền lương để tính chính sách hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này là tiền lương tháng liền kề của chức danh cán bộ, công chức cấp xã trước khi được bố trí sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, bao gồm: mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh; các khoản phụ cấp lương (gồm: phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề) và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có) theo quy định của pháp luật về tiền lương.

Riêng đối với các trường hợp đang nghỉ việc không hưởng lương, nghỉ hưởng chế độ ốm đau theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm tháng liền kề của chức danh cán bộ, công chức cấp xã trước khi được bố trí

sang làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thì tiền lương tháng là tiền lương tháng liền kề của tháng trước khi nghỉ việc không hưởng lương, nghỉ hưởng chế độ ốm đau nhưng mức lương cơ sở được tính theo mức lương cơ sở của tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

2. Phụ cấp hằng tháng của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố để tính chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này là phụ cấp của tháng liền kề trước thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026 do ngân sách trung ương khoán quỹ phụ cấp để chi trả.

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố thì phụ cấp hằng tháng để tính chính sách hỗ trợ là phụ cấp hằng tháng của chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và không tính phụ cấp hằng tháng của chức danh kiêm nhiệm.

3. Thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này để tính chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã và lực lượng vũ trang nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ.

4. Thời gian công tác để tính chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này là tổng thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc ở các vị trí việc làm khác.

5. Thời gian để tính chính sách hỗ trợ theo số năm công tác quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: Từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm và được hưởng hỗ trợ bằng mức hỗ trợ của 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

6. Thời gian nghỉ sớm để tính chính sách hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này là thời gian kể từ thời điểm nghỉ việc đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP.

Điều 5. Hoàn trả kinh phí hỗ trợ

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đã hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này nếu được bầu cử, tuyển dụng lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc bố trí làm người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trong thời gian 60 tháng kể từ ngày nghỉ việc thì phải hoàn trả lại số tiền đã được hỗ trợ.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh đảm bảo và bố trí trong dự toán kinh phí năm 2027.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 06 tháng 11 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, CV (D).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Đức Tuy